

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027**TRƯỜNG THCS&THPT NGUYỄN VĂN LINH***(Kèm theo Quyết định số**/QĐ-SGDĐT ngày**/7/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Khánh Hòa)*

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
1		Đổng Quang Tài	Nam	06/05/2006	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0					TT
2	550082	Lê Ngọc Cát Tường	Nữ	26/11/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	9,25	8,5	6	23,75	NV1
3	550003	Trần Minh Bảo	Nam	01/09/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	7	8,5	6,75	22,25	NV1
4	550053	Ngô Khắc Hoàng Nguyên	Nam	25/03/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	6,75	8,5	6,25	21,5	NV1
5	550051	Phạm Lê Bảo Ngọc	Nữ	29/08/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	7	8	6,5	21,5	NV1
6	550084	Lưu Vũ Lê Thanh	Nam	13/11/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	5,5	9	5,75	20,25	NV1
7	550033	Phạm Gia Hưng	Nam	29/09/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	6	8,5	5,5	20	NV1
8	550006	Trần Thị Thanh Châu	Nữ	13/04/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	6,5	8,25	5,25	20	NV1
9	550090	Nguyễn Thanh Thuận	Nam	17/02/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	5,75	8,25	6	20	NV1
10	550004	Nguyễn Huỳnh Thiên Bảo	Nam	02/03/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	4,5	8	7,25	19,75	NV1
11	550037	Nguyễn Lê Nhã Kỳ	Nữ	20/12/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	6,5	6,75	5,5	18,75	NV1
12	550100	Trần Thị Thanh Trúc	Nữ	01/10/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	6	7,5	5	18,5	NV1
13	550101	Nguyễn Hoàng Xuân Trường	Nam	21/11/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	5,25	7,5	5,5	18,25	NV1
14	550092	Trương Khánh Thuyết	Nữ	12/12/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	6,5	7,5	2,5	17,5	NV1
15	550022	Trần Duy Hà	Nam	17/09/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	7,25	6,5	3,75	17,5	NV1
16	550024	Phan Ngọc Bảo Hân	Nữ	14/06/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	5,5	6,75	5,25	17,5	NV1
17	550099	Bùi Quang Trung	Nam	30/10/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	5	6,75	5,75	17,5	NV1
18	550061	Thiên Thế Phiên	Nam	23/01/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	6	6,5	3,75	17,25	NV1
19	550025	Nguyễn Đức Hiếu	Nam	29/09/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	5,5	5,75	6	17,25	NV1
20	550050	Châu Hoàng Hoa Lục Ngạn	Nữ	31/01/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	6,75	5,25	4	17	NV1
21	550029	Hán Nữ Ngọc Huyền	Nữ	25/12/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	5	5,5	5	16,5	NV1
22	550008	Tổng Chuyển	Nam	07/04/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	5,08	6,5	4,5	16,08	NV1
23	550091	Nguyễn Thị Vĩnh Thuận	Nữ	14/11/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	4	5,75	5,75	15,5	NV1
24	550048	Sử Thị Mai My	Nữ	26/10/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	4	4,5	5,75	15,25	NV1
25	550002	Nguyễn Thanh An	Nữ	03/07/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	5	6,25	3,75	15	NV1
26	550064	Lưu Trương Gia Phúc	Nam	09/07/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	5	5,5	3,25	14,75	NV1
27	550017	Lê Phú Đồng	Nam	11/09/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	4,25	6,75	3,75	14,75	NV1

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
28	550105	Nguyễn Thị Tường Vy	Nữ	12/01/2010	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	5,25	5	4,5	14,75	NV1
29	550023	Kiều Thị Hồng Hà	Nữ	30/03/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	4,5	4,5	4,5	14,5	NV1
30	550031	Nguyễn Duy Hưng	Nam	30/05/2010	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	3,25	5,75	5,5	14,5	NV1
31	550046	Quảng Nữ Kim May	Nữ	23/10/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	3,25	5,75	4,25	14,25	NV1
32	550043	Nguyễn Hoàng Long	Nam	09/10/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	4,75	5,75	3,5	14	NV1
33	550009	Thiên Thị Mỹ Diễm	Nữ	20/02/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	5,25	4,75	2,75	13,75	NV1
34	550097	Hồ Thị Thu Trang	Nữ	22/02/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	5	5	3,75	13,75	NV1
35	550027	Cao Nguyễn Xuân Hoàng	Nam	15/04/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	3,5	4,5	5,75	13,75	NV1
36	550028	Hồ Thy Xuân Huyền	Nữ	26/02/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	4,75	4,25	4,5	13,5	NV1
37	550010	Lưu Ánh Hoàng Diệp	Nữ	04/07/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	5	4,25	3	13,25	NV1
38	550055	Nguyễn Huỳnh Ái Nhi	Nữ	10/09/2010	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	5	5	3,25	13,25	NV1
39	550077	Vũ Minh Tuấn	Nam	08/02/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	3,5	5,25	4,5	13,25	NV1
40	550076	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	03/02/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	3	4,75	5,5	13,25	NV1
41	550035	Lê Xuân Kiên	Nam	14/04/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	0	0	4	4,75	4,5	13,25	NV1
42	550094	Phạm Hoàng Anh Thụ	Nữ	25/07/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	3	6,25	3,75	13	NV1
43	550020	Châu Nữ Hoàng Gia	Nữ	03/07/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	5	4	2,75	12,75	NV1
44	550045	Bạch Thị Sa Ly	Nữ	20/08/2010	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	1	0	4,5	3,25	4	12,75	NV1
45	550089	Kiều Trương Bảo Thọ	Nam	17/10/2010	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	2,25	4,5	5	12,75	NV1
46	550019	Huỳnh Thị Ngọc Gấm	Nữ	13/09/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	5,25	5,25	2	12,5	NV1
47	550081	Lưu Quang Tương	Nam	30/05/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	2,75	4,5	4,25	12,5	NV1
48	550080	Hàm Thị Hồng Tươi	Nữ	16/08/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	2,5	5	4	12,5	NV1
49	550049	Vũ Thuận Nam	Nam	10/08/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	4,5	5,25	2,75	12,5	NV1
50	550005	Huỳnh Thế Cường	Nam	18/10/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	1,5	5,75	5,25	12,5	NV1
51	550052	Phạm Như Ngọc	Nữ	19/10/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	4,75	4	3,5	12,25	NV1
52	550096	Dương Ngọc Thúc	Nam	09/06/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	2,25	6,5	3,5	12,25	NV1
53	550016	Vạn Bình Đăng	Nam	04/10/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	3	3,5	4,75	12,25	NV1
54	550034	Quảng Đại Gia Hy	Nam	02/03/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	3,25	3,5	4,5	12,25	NV1
55	550042	Huỳnh Thị Ngọc Linh	Nữ	03/08/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	3,25	2,75	6,25	12,25	NV1
56	540050	Phạm Ngọc Quỳnh Chi	Nữ	28/12/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	0	0	4,75	5	2,25	12	NV2
57	540604	Đinh Võ Tường Vy	Nữ	24/08/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	0	0	4	5,5	2,5	12	NV2

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
58	550007	Nguyễn Thụy Phương Chi	Nữ	24/12/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	3,75	5	3,25	12	NV1
59	550102	Nguyễn Hà Vy	Nữ	10/02/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	4	4,75	3,25	12	NV1
60	550054	Kiều Phúc Nhật	Nam	04/09/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	1	0	3,75	4,75	2,5	12	NV1
61	550068	Phạm Vũ Phú Quốc	Nam	23/12/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	4,5	4,6	2,75	11,85	NV1
62	550041	Phú Thiên My Len	Nữ	30/06/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	2,5	4	4,25	11,75	NV1
63	540525	Châu Nữ Huyền Thư	Nữ	12/07/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	3,5	5,25	2	11,75	NV2
64	550098	Đồng Thị Sơn Trà	Nữ	13/06/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	3,5	4,75	3,5	11,75	NV1
65	540384	Lâm Tuyết Nhung	Nữ	10/12/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	0	0	3,75	5,5	2,25	11,5	NV2
66	550088	Nguyễn Thị Kim Thoa	Nữ	12/03/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	3,75	4,25	3,5	11,5	NV1
67	550059	Trần Quỳnh Như	Nữ	02/01/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	4,75	4	2,75	11,5	NV1
68	550039	Võ Trần Văn Khôi	Nam	20/11/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	3	3,5	5	11,5	NV1
69	550013	Nguyễn Thiện Duy	Nam	18/08/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	5	3,1	3,25	11,35	NV1
70	550026	Đàng Tấn Hoàng	Nam	20/06/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	1,5	4,5	4,25	11,25	NV1
71	550104	Nguyễn Thị Tường Vy	Nữ	02/04/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	3,25	4,75	3,25	11,25	NV1
72	550047	Thiên Rua Min	Nam	24/12/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	2,25	4,5	3,25	11	NV1
73	550079	Châu Gia Tuyển	Nam	03/07/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	1	4,5	4,25	10,75	NV1
74	550075	Nguyễn Thanh Tiền	Nam	15/11/2011	Trương Văn Ly	0	0	1,75	5	4	10,75	NV1
75	550086	Dương Trịnh Gia Thiên	Nam	25/06/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	2,5	3,5	4,5	10,5	NV1
76	550032	Phan Gia Hưng	Nam	23/10/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	1,75	3,5	5,25	10,5	NV1
77	550030	Nguyễn Công Huỳnh	Nam	05/04/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	2,5	3,25	4,75	10,5	NV1
78	550095	Cao Thị Kim Thư	Nữ	22/10/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	3,5	3,5	3,25	10,25	NV1
79	550067	Cao Bá Quân	Nam	05/10/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	1,75	6	2,5	10,25	NV1
80	550065	Lê Uyên Phương	Nữ	17/12/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	2,75	5	2,5	10,25	NV1
81	550093	Phú Nữ Thanh Thuỷ	Nữ	03/09/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	1,75	4,75	2,75	10,25	NV1
82	550012	Thiên Hoàng Duy	Nam	26/02/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	2,25	3,5	3,5	10,25	NV1
83	550103	Lê Ngọc Vy	Nữ	05/10/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	3,75	3,5	3	10,25	NV1
84	550087	Nguyễn Hoàng Thiên	Nam	25/07/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	3	4,25	3	10,25	NV1
85	550083	Đàng Duy Tường	Nam	28/09/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	2,5	2,85	3,75	10,1	NV1
86	550036	Nguyễn Phước Kiệt	Nam	30/03/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	3,75	2	4,25	10	NV1
87	550106	Phú Quảng Bình Yên	Nam	29/12/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	2	4,25	2,75	10	NV1

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
88	550001	Huỳnh Ngọc An	Nam	14/07/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	3,5	3,5	3	10	NV1
89	550014	Trần Đại Dương	Nam	07/10/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	4	2,75	3,25	10	NV1
90	550056	Báo Văn Dũng Nhi	Nam	20/02/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	2,25	4	2,75	10	NV1
91	550058	Đàng Thị Uyên Nhu	Nữ	26/06/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	3,25	1,85	3,75	9,85	NV1
92	550078	Hán Ánh Tuyết	Nữ	02/07/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	1,75	4,5	2,5	9,75	NV1
93	550057	Trần Thị Ngọc Nhớ	Nữ	06/10/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	3	4,5	2,25	9,75	NV1
94	550085	Lê Quốc Thắng	Nam	18/10/2010	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	0	0	3	4	2,75	9,75	NV1
95	550074	Tổng Thành Tài	Nam	09/07/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	1,75	3	5	9,75	NV1
96	550066	Trần Nguyễn Phước	Nam	16/09/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	4	2,25	3,5	9,75	NV1
97	550018	Quảng Đại Thu Được	Nam	14/09/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	2	2,5	4	9,5	NV1
98	530263	Cao Nguyễn Hoài My	Nữ	14/05/2011	Hoàng Hoa Thám-Phước Hà	1	0	1,75	3,85	2,75	9,35	NV2
99	530361	Ngư Dương Hoàng Quý	Nam	18/05/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	3	3,35	2	9,35	NV2
100	530282	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	24/08/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	0	0	2,25	5	2	9,25	NV2
101	530045	Châu Thị Ngọc Doanh	Nữ	26/03/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	2,75	3,5	2	9,25	NV2
102	530307	Bùi Thị Xuân Nhi	Nữ	08/03/2011	Hoàng Hoa Thám-Phước Hà	1	0	3	3,5	1,75	9,25	NV2
103	530246	Não Văn Lợi	Nam	01/01/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	2,25	3,5	2,25	9	NV2
104	550021	Báo Duy Hán	Nam	01/04/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	3,25	2,25	2,5	9	NV1
105	530113	Não Nữ Phương Hằng	Nữ	25/01/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	3,75	2,25	2	9	NV2
106	530332	Ha Na Phin	Nam	20/12/2010	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	3,25	3,25	1,5	9	NV2
107	530026	Nguyễn Hoàng Thanh Bình	Nam	11/05/2011	Hoàng Hoa Thám-Phước Hà	1	0	2,75	3,5	1,75	9	NV2
108	530288	Báo Thị Thảo Nguyên	Nữ	06/05/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	2,5	3,25	2,25	9	NV2
109	530440	Báo Văn Thịnh	Nam	14/02/2010	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	3,5	2,85	1,5	8,85	NV2
110	530133	Hứa Đại Hoài	Nam	13/10/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	2,25	3	2,5	8,75	NV2
111	530144	Từ Nữ Kim Huệ	Nữ	03/11/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	2	3,25	2,5	8,75	NV2
112	530121	Kiều Hoàng Hiếu	Nam	23/12/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	3	2,5	2,25	8,75	NV2
113	530161	Nguyễn Hải Hưng	Nam	03/04/2011	Hoàng Hoa Thám-Phước Hà	1	0	3,25	2,5	2	8,75	NV2
114	530530	Trương Thị Đông Y	Nữ	07/07/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	2	3	2,75	8,75	NV2
115	530480	Huỳnh Thị Quỳnh Trân	Nữ	06/07/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	3,75	2	2	8,75	NV2
116	530309	Bá Nảo Hoàng Nhiên	Nam	05/05/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	2,75	3,25	1,75	8,75	NV2
117	530037	Abu My Chin	Nữ	10/11/2010	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	3,5	3	1,25	8,75	NV2

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
118	530023	Thạch Su Bin	Nam	01/01/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	2,5	3,75	1,5	8,75	NV2
119	530346	Não Văn Phước	Nam	29/03/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	3	2,35	2,25	8,6	NV2
120	540516	Thiên Thị Thanh Thuý	Nữ	13/11/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	2,5	3,25	1,75	8,5	NV2
121	530253	Tạ Thị Mỹ Ly	Nữ	03/12/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	2,25	4	1,25	8,5	NV2
122	530012	Châu Thùy Phương Ánh	Nữ	02/11/2010	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	3	2	2,5	8,5	NV2
123	530165	Kiều Quang Hưng	Nam	03/08/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	2,75	3,5	1,25	8,5	NV2
124	550071	Lâm Thái Sơn	Nam	01/05/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	2	5	1,5	8,5	NV1
125	550044	Lưu Hoàng Phi Long	Nam	15/12/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	2,5	1	4	8,5	NV1
126	530042	Thiên Sanh Danh	Nam	30/04/2010	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	1,75	3,35	2,25	8,35	NV2
127	530503	Bá Xuân Trường	Nam	21/12/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	3,75	1,1	2,5	8,35	NV2
128	530221	Huỳnh Nguyễn Hoàng Lâm	Nam	20/06/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	0	0	3,5	3,75	1	8,25	NV2
129	530445	Nguyễn Thị Thu	Nữ	24/11/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	0	0	3,5	2	2,75	8,25	NV2
130	530388	Lê Chí Toàn	Nam	05/09/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	3,25	2,5	1,5	8,25	NV2
131	530062	Bá Trung Dũng	Nam	20/07/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	2,16	3	2	8,16	NV2
132	530007	Hán Nữ Lan Anh	Nữ	11/06/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	1,25	4	1,75	8	NV2
133	530205	Kiều Ngọc Khải	Nam	19/09/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	1,75	3,25	2	8	NV2
134	530089	Sư Trung Được	Nam	07/09/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	1,5	3,75	1,75	8	NV2
135	530348	Thiên Sanh Quang	Nam	05/03/2010	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	2,5	2,25	2,25	8	NV2
136	530115	Huỳnh Cao Bảo Hân	Nữ	10/03/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	0	0	3	3,25	1,75	8	NV2
137	530449	Bá Văn Thuận	Nam	18/12/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	2	2,75	2,25	8	NV2
138	530059	Thập Nữ Thùy Duyên	Nữ	12/10/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	1,25	3,6	2	7,85	NV2
139	530510	Chê Nữ Thảo Vân	Nữ	10/04/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	2,25	3,5	1	7,75	NV2
140	530211	Báo Đại Khoa	Nam	27/10/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	1,75	3,75	1,25	7,75	NV2
141	530098	Ngư Phú Hoàng Gia	Nữ	22/07/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	1,75	3,5	1,5	7,75	NV2
142	530135	Lưu Huy Hoàng	Nam	07/01/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	3,25	2,5	1	7,75	NV2
143	550060	Trà Thị Xuân Oanh	Nữ	12/03/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	2	3,25	2,5	7,75	NV1
144	530484	Trương Minh Triết	Nam	25/02/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	1,75	1,5	3,5	7,75	NV2
145	530437	Nguyễn Thị Thiệt	Nữ	24/11/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	0	0	1,75	4,5	1,5	7,75	NV2
146	530018	Não Trọng Quốc Bảo	Nam	06/07/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	3	1,75	2	7,75	NV2
147	550063	Hồ Ngọc Phú	Nam	28/01/2011	Nguyễn Văn Linh-Thuận Nam	0	0	3	2,5	2,25	7,75	NV1

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Học sinh trường THCS/TH&THCS THCS&THPT/PTDTBT	Điểm		Điểm thi môn			Điểm xét tuyển	Ghi chú
						UT	KK	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh		
148	530185	Thọ Thuýn Kim	Nữ	23/11/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	2	3,5	1,25	7,75	NV2
149	550015	Hán Thành Đạt	Nam	22/09/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	2,25	2,5	1,75	7,5	NV1
150	550069	Kiều Anh Sang	Nam	18/10/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	1,5	3	2	7,5	NV1
151	550072	Nguyễn Văn Sơn	Nam	09/11/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	0	0	1,75	4,25	1,5	7,5	NV1
152	530434	Võ Thành Thiên	Nam	21/11/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	0	0	2,5	3	1,75	7,25	NV2
153	530199	Tài Cao Gia Khánh	Nam	25/05/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	2,25	2	2	7,25	NV2
154	530462	Kiều Nữ Minh Thư	Nữ	25/04/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	2	2,25	2	7,25	NV2
155	530273	Bá Nữ Hồng Ngân	Nữ	15/06/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	3	1,25	2	7,25	NV2
156	530235	Phú Minh Lộc	Nam	08/07/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	2	2	2,25	7,25	NV2
157	530106	Châu Nữ Hồng Hạnh	Nữ	17/07/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	1,5	2,5	2,25	7,25	NV2
158	550062	Kiều Ngọc Phong	Nam	25/12/2011	Nguyễn Bình Khiêm-Thuận Nam	1	0	1	2,25	2,5	6,75	NV1
159	550011	Thiên Thị Song Đơn	Nữ	08/01/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	1	2,6	1,75	6,35	NV1
160	550070	Đạt Ngọc Sơn	Nam	12/07/2011	Võ Văn Kiệt-Thuận Nam	1	0	1	2,35	1,75	6,1	NV1

Tổng cộng danh sách có : 160 thí sinh